

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 25

Địa thứ 13 : Địa Thanh Văn.

Xứ Du Già Thứ 1

Phần 3: Địa Xuất Ly (4)

Thế nào gọi là Tánh thiện hữu? Nghĩa là có tám nhân duyên, nên biết tất cả chủng loại nơi tánh Thiện hữu viên mãn. Những gì là tám?

Đó là như có một hữu tình an trụ nơi giới cấm, đa văn đầy đủ, có thể chứng đắc, tánh nhiều thương xót, tâm không chán mệt, khéo có thể nhẫn chịu, không có sợ hãi, ngôn ngữ luôn viên mãn.

Thế nào gọi là an trụ nơi giới cấm? Nghĩa là an trụ nơi giới đầy đủ, khéo có thể hộ trì Luật nghi biệt giải, như trước đã nói rộng, ưa thích tánh Sa-môn, ưa thích tánh Bà-la-môn, vì tự điều phục, vì tự đạt tịch tĩnh, vì tự đạt Niết-bàn nên tu hành chánh hạnh. Như thế gọi là an trụ nơi giới cấm.

Thế nào gọi là đa văn đầy đủ? Đó là như có pháp tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ là phần đầu giữa sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, độc nhất viên mãn, phạm hạnh thanh bạch. Nơi nhiều pháp diệu cùng loại như vậy đều có thể khéo thọ trì, ngôn từ khéo thông suốt, ý khéo tìm xét, kiến giải khéo thấu đạt. Như thế gọi là đa văn đầy đủ.

Thế nào gọi là có thể đạt được những chứng đắc? Nghĩa là có thể chứng đắc các tướng thù thắng: tướng vô thường, tướng vô thường, khổ, tướng khổ, vô ngã, tướng chán trái về ăn uống, tướng hết thảy thế gian không thể an lạc, tướng đoạn, tướng lìa, tướng diệt, tướng chết, tướng bất tịnh... Lại có thể chứng đắc Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự thứ hai, Tĩnh lự thứ ba, Tĩnh lự thứ tư, Xứ không vô biên, Xứ Thức vô biên, Xứ Vô sở hữu và sau cùng là Xứ Phi tướng phi phi tướng.

Lại có thể chứng đắc Từ, Bi, Hỷ, Xả, hoặc quả Dự Lưu, hoặc

quả Nhất-lai, hoặc quả Bất-hoàn, hoặc Thần cảnh thông, hoặc Túc trú thông, hoặc Thiên nhĩ thông, hoặc Tử sanh thông, hoặc Tâm sai biệt thông, hoặc quả A-la-hán gồm đủ tám giải thoát, các định Tĩnh lực, đủ uy lực lớn, có thể khéo vì kẻ khác hiện ba thần biến nhằm nêu dạy khuyên bảo trao truyền là Thần biến của Thần lực, Thần biến ký thuyết và Thần biến giáo đạo. Như thế gọi là có thể đạt được những chứng đắc.

Thế nào gọi là Tánh nhiều thương xót? Đó là đối với kẻ khác thường khởi tâm từ bi, vui thích ban cho điều nghĩa, vui thích trao cho các lợi, vui thích trao cho an lạc, vui thích ban cho sự nương dựa, vui thích trao cho sự an ổn. Như thế gọi là Tánh nhiều thương xót.

Thế nào gọi là Tâm không chán mệt? Nghĩa là khéo có thể thị hiện, khéo có thể chỉ dạy, dẫn dắt, tán thán, khích lệ, an ủi, ở nơi bốn chúng nêu giảng chánh pháp, không từ khó nhọc, mỗi một, luôn cố gắng siêng năng, pháp khởi viên mãn. Như thế gọi là Tâm không chán mệt.

Thế nào gọi là khéo có thể nhẫn chịu? Đó là bị mắng nhiếc không đáp lại bằng mắng nhiếc. Giận dữ không đáp lại bằng giận dữ. Bị đánh không hề đánh lại. Bị đùa cợt cũng hề đáp trả bằng đùa cợt. Đối với mọi sự khổ não bức bách đều tự suy xét về lỗi lầm của mình. Do dị thực của nghiệp làm chón nương dựa, trọn không đối với kẻ khác phát sinh phần nộ, cũng không ôm giữ tùy miên oán hận không xả. Như vậy, tuy gặp phải sự khinh miệt, hỷ nhục, nhưng bản tánh đều không biến đổi, chỉ thường đối với những trường hợp ấy tư duy về nghĩa lợi.

Lại có thể nhẫn chịu đối với sự lạnh nóng đói khát, muỗi mòng, rần rít cùng mọi sự tiếp xúc độc hại, mọi xúc phạm thô ác của kẻ khác... Như vậy gọi là khéo có thể nhẫn chịu.

Thế nào gọi là không có sợ hãi? Tức là ở nơi đại chúng thuyết giảng chánh pháp, tâm không sợ sệt, tiếng không run rẩy, biện luận không nhầm lẫn, trọn không do nhân duyên khiếp nhục ấy, khiến bị các thứ lo sợ bức bách. Như thế gọi là không có sợ hãi.

Thế nào gọi là ngôn ngữ luôn viên mãn? Đó là vị ấy đã thành tựu ngôn ngữ đứng đầu, hơn hết, thành tựu ngôn ngữ hay đẹp bậc nhất, ngôn ngữ hiển bày hết sức rõ ràng, ngôn ngữ dễ lý giải tỏ ngộ, ngôn ngữ ưa thích nghe, ngôn ngữ không trái nghịch, ngôn ngữ không chỗ dựa cậy, ngôn ngữ không có biên vực. Như thế gọi là ngôn ngữ đầy đủ viên mãn. Ngôn ngữ khéo, hay, thành tựu tám thứ nhân duyên như vậy là khéo có thể can, nêu, khéo tạo sự nhớ nghĩ, khéo có thể chỉ dạy, trao truyền, khéo có thể răn bảo, khéo nêu giảng chánh pháp.

Thế nào gọi là khéo có thể can, nêu? Đó là như có hữu tình, đối

với Giới tăng thượng hủy phạm Thi-la đối với phép tắc tăng thượng hủy phạm phép tắc. Do thấy nghe nghi nên có thể chính thức khuyên can, nêu lên sự chân thật chứ không dùng hư vọng, hợp thời chứ không dùng phi thời, tạo lợi ích chứ không dùng suy tổn, nhu hòa dịu dàng chứ không dùng thô ác, làm thiện hữu chứ không dùng tâm ganh ghét. Như vậy gọi là khéo có thể can, nêu.

Thế nào gọi là khéo tạo sự nhớ nghĩ? Đó là khiến nhớ nghĩ về chỗ phạm tội ở trước, nhớ nghĩ về hoặc pháp hoặc nghĩa.

Thế nào gọi là khiến nhớ nghĩ về chỗ phạm tội ở trước? Nghĩa là như có một hữu tình trước đã tạo sự hủy phạm, nhưng không thể nhớ lại, bấy giờ khéo tạo phương tiện khiến hữu tình ấy nhớ nghĩ, bảo: Nay nhân giả! Ông từng ở nơi ấy, thời điểm ấy, với sự việc ấy đã hủy phạm về sắc loại như vậy như vậy. Đó gọi là khiến cho người kia nhớ nghĩ về chỗ phạm tội từ trước.

Thế nào gọi là khiến nhớ nghĩ về pháp? Nghĩ là như có một hành giả đối với chánh pháp đã được nghe, thọ nhận từ trước, ở riêng một nơi để suy xét, nhớ nghĩ. Đó là khế kinh, ứng tụng, ký biệt, nói rộng như trước. Vị ấy hoặc không nhớ lại, thì khiến nhớ nghĩ. Hoặc lại nêu thuật, trao cho, khiến nhớ lại, tạo nên sự thưa hỏi, vấn nạn để khiến nhớ lại. Như thế gọi là khiến nhớ nghĩ về pháp.

Thế nào gọi là khiến nhớ nghĩ về nghĩa? Đó là như có một hành giả đối với nghĩa của chánh pháp đã được nghe, được thọ nhận từ trước, có chỗ bị quên mất, liền vì vị ấy tạo sự nhớ nghĩ, để tuyên thuyết, khai thị khiến được biểu bày, khiến trở nên mới mẻ.

Lại như có một hành giả khéo có thể nêu dẫn nghĩa lợi, có thể nêu dẫn phạm hạnh, tạo tác, nêu giảng trải qua thời gian lâu, vị ấy nếu có quên mất thì cũng khiến nhớ nghĩ. Như thế gọi là khéo sự nhớ nghĩ.

Thế nào gọi là khéo có thể chỉ dạy, trao truyền? Nghĩa là, đối với pháp Du già tịch tĩnh, xa lìa, tác ý về chỉ, quán, thường xuyên tùy thuận, chỉ dạy trao truyền mà chuyển. Thời thời nêu giảng cùng với pháp ấy tương ứng, ngôn ngữ luận bàn thuận hợp. Đó là có thể hướng tới Tâm lìa mọi chướng ngại, ngăn che. Hết sức yêu thích các thứ ngôn ngữ luận bàn về Thi-la, về đẳng trì, về Thánh tuệ, về giải thoát, về Giải thoát trí biến, về thiếu dục, về tri tri túc, về không xen tạp, về tùy thuận duyên tánh, duyên khởi. Như vậy gọi là khéo có thể chỉ dạy trao truyền.

Thế nào gọi là khéo có thể giảng dạy khuyên răn? Nghĩa là đối với Thánh giáo do bậc đại sư thuyết giảng, có thể đem chánh pháp, đem Tỳ-nại-da giảng dạy bình đẳng. Hoặc là Quĩ-phạm-sư (A-xà-lê) hoặc

Thân giáo sư (Hòa thượng) hoặc các vị đồng pháp, hoặc các bậc tôn trưởng, tất cả đều nhận biết như thật về vị kia, tùy ở một xứ đã trái vượt, hủy phạm, nên thường xuyên theo như pháp quả trách, đối trị, loại trừ, khiến kẻ kia được điều phục. Đã được điều phục rồi thì bình đẳng như pháp thọ nhận các thứ lợi dưỡng, hòa đồng tổ ngộ, thu giữ, tóm nhận. Đối với chỗ nên làm và không nên làm nhằm khiến hiện hành, không hiện hành. Đối với chỗ thích tập và không thích tập luôn chỉ dạy, dẫn dắt. Như vậy gọi là khéo có thể giảng dạy khuyên răn.

Thế nào gọi là khéo thuyết giảng chánh pháp đó là nơi mọi thời điểm đều có thể khéo nêu giảng. Thời gian đầu tiên là tạo các thứ ngôn luận không điên đảo. Đó là Luận về bố thí, Luận về Giới, Luận về sanh Thiên. Ở trong các dục có thể nêu bày chỉ rõ rộng về những lỗi lầm, tai họa, về pháp phẩm thanh tịnh, xuất ly.

Lại nơi các thời điểm nêu rõ về ngôn luận tương ứng của bốn thứ Thánh đế siêu việt tối thắng. Đó là Luận về Khổ, Luận về Tập, Luận về Diệt, Luận về đạo. Vì các hữu tình được thành thực. Vì các hữu tình được thanh tịnh. Vì khiến cho chánh pháp được trụ lâu ở đời. Nên giảng nói về trợ bạn tương ứng, tùy thuận thanh tịnh, tương xứng hữu dụng. Danh cú văn thân nơi ngôn luận hiện có luôn ứng hợp. Lại phải ngôn luận ấy, hợp thời điểm mà phát khởi sự cẩn trọng, lần lượt nối tiếp cùng hiện hữu, khiến cho hữu tình vui mừng, khiến cho chúng sanh yêu thích, hoan hỷ, dũng mãnh, không bị chê trách, loại bỏ. Trợ bạn tương ứng, như pháp không loạn, xứng thuận chúng hội, có tâm từ bi, có tâm lợi ích, có tâm thương xót, không dựa vào sự được lợi dưỡng cung kính, tán dương, không tự cao ngạo, không khinh miệt kẻ khác. Như vậy gọi là khéo giảng chánh pháp.

Do vị ấy thành tựu tám chi như thế, nên nơi mọi thời gian đều khéo có thể can, nêu, khéo tạo sự nhớ nghĩ, khéo có thể chỉ dạy trao truyền, khéo có thể giảng nói, khuyên răn, khéo thuyết giảng chánh pháp. Vì thế, vị ấy được gọi là Thiện hữu. Như thế là đã biện biệt rộng về tánh của Thiện hữu. Lại nữa, thế nào là nhận biết về nghĩa tóm lược ở đây? Nghĩa là nếu Thiện hữu, tâm khéo tạo được sự đậm đà về tánh thương xót, đầu tiên là đối với chính mình vui thích tạo lợi ích, vui thích tạo an lạc. Lại, tức đối với sự việc tạo lợi ích an lạc ấy đều nhận biết rõ đúng như thật, không có điên đảo, lừa kiến chấp điên đảo. Lại nữa, tức ở nơi lợi ích, an lạc này, đối mọi siêng năng không biếng trễ, khởi phát viên mãn, vì tánh ưa thích phát huy sự siêng năng tinh tấn. Nên biết, do bốn nhân duyên ấy nên đã thấu gồm hết thấy chủng loại, tóm lược chung

một cách viên mãn về tánh của Thiện tri thức. Như thế gọi là nghĩa tóm lược hiện có về tánh của bậc Thiện hữu ấy.

Như chỗ đã nêu ở trước là phân biệt rộng về nghĩa, hoặc chỗ nêu bày về nghĩa tóm lược hiện có ấy, tất cả gọi chung là tánh của Thiện hữu.

Thế nào gọi là văn nghe tư duy về chánh pháp? Gọi là chánh pháp: Tức hoặc Đức Phật, Thế Tôn, hoặc đệ tử của Phật, các bậc trưởng phu chánh sĩ, chánh chế chánh thiện đã nêu giảng, mở bày, hiển thị phân biệt, soi tỏ. Ở đây lại như thế nào? Đó là khế kinh, ứng tụng, ký biệt, nói rộng như trước, về mười hai phần giáo, đó gọi là chánh pháp.

Thế nào là khế kinh? Đó là Đức Bạc già phạm, ở nơi các phương sở kia, vì vô số các hữu tình là đối tượng được hóa độ, dựa vào các hành sai biệt của những hữu tình ấy, tuyên thuyết về vô lượng ngữ tương ứng với uẩn, vô lượng ngữ tương ứng với xứ, vô lượng ngữ tương ứng với duyên khởi, vô lượng ngữ tương ứng với việc ăn uống, vô lượng ngữ tương ứng với đế, vô lượng ngữ tương ứng với người cảnh giới, vô lượng ngữ tương ứng với Thừa Thanh-văn, vô lượng ngữ tương ứng với thừa độc giác, vô lượng ngữ tương ứng với Thừa Như-lai, vô lượng ngữ tương ứng với Niệm trụ, chánh đoạn, Thần túc, căn, lực, Giác chi, đạo chi... Vô lượng ngữ tương ứng với Bất tịnh tức niệm các Học, chứng tịnh. Kết tập tạng chánh pháp của Như-lai: Là thâm tóm, tụ hội vô số Thánh ngữ như thế, nhằm khiến cho Thánh giáo được trụ lâu ở đời, nên dùng các thứ danh-cú-văn thân hay đẹp, theo như chỗ ứng hợp của chúng, thứ lớp mà sắp đặt, thứ lớp mà kết tập, tức là có thể tạo sự nối kết xuyên suốt với vô số pháp có thể dẫn đến nghĩa lợi, có thể dẫn đến phạm hạnh, với nghĩa chân, thiện vi diệu. Đó gọi là Khế kinh.

Thế nào là Ứng tụng? Tức là nơi khoảng giữa hoặc là phần sau cùng, tuyên thuyết về kệ tụng, hoặc lại nêu giảng về phần kinh chưa liễu nghĩa. Đó gọi là ứng tụng.

Thế nào là Ký biệt? Nghĩa là ở trong ấy, ghi nhận riêng về đệ tử với các sự việc sau khi qua đời sẽ sanh về cõi nào... Hoặc lại nêu giảng về phần kinh đã liễu nghĩa. Đó gọi là Ký biệt.

Thế nào là Phúng tụng? Nghĩa là không thuyết giảng trực tiếp, mà là thuyết giảng câu tóm kết, hoặc tạo hai câu, hoặc tạo ba câu, hoặc tạo bốn câu, hoặc tạo năm câu, hoặc tạo sáu câu... Đó gọi là Phúng tụng.

Thế nào là Tự thuyết? Nghĩa là ở trong ấy không hiển bày về danh tự, chủng tánh của Bồ-đặc-già-la là chủ thể chưa tỉnh. Vì khiến cho chánh pháp ở đời vị lai được trụ lâu, Thánh giáo được trụ lâu ở thế gian,

nên không thừa thĩnh mà tự thuyết giảng. Đó gọi là Tự thuyết.

Thế nào là Nhân duyên? Nghĩa là ở trong đó biến bày về danh tự chủng tánh của hữu tình là chủ thể chưa thĩnh, nhân sự thừa thĩnh mà thuyết giảng, cùng các kinh Biệt giải thoát có nhân có duyên tương ứng của Tỳ-nại-da hiện có. Đó gọi là nhân duyên.

Thế nào là Thí dụ? Nghĩa là ở trong ấy có nói về thí dụ. Do thí dụ nên nghĩa gốc được sáng tỏ, thanh tịnh. Đó gọi là Thí dụ.

Thế nào là Bản sự? Tức là các thứ ngôn giáo nghĩa sự tương ứng nơi đời trước vốn có. Đó gọi là Bản sự.

Thế nào là Bản sanh? Nghĩa là ở trong sự nêu giảng ấy nêu rõ vô số phương phần nơi đời quá khứ của Đức Thế Tôn, lúc hành hạnh Bồ tát, hành trì hạnh khó hành, với các sự việc hoặc sanh hoặc tử. Đó gọi là Bản sanh.

Thế nào là Phương quảng? Nghĩa là ở trong ấy, giảng nói rộng về tất cả đạo của chư Bồ tát, vì khiến tu chứng, đạo quả Bồ đề vô thượng, với tất cả công đức như mười lực, bốn vô sở úy, Trí không chướng ngại. Đó gọi là Phương quảng.

Thế nào gọi là Hy pháp? Nghĩa là ở trong ấy nêu rõ về những công đức tối thắng, hết sức hy hữu của chư Phật, đệ tử của chư Phật là bảy chúng: Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, lao-sách-nam, lao-sách-nữ, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, hoặc cùng hoặc chẳng cùng, hơn hẳn các dạng khác, hơn hẳn các thế gian, đều đồng ý chấp thuận. Đó gọi là Hy pháp.

Thế nào là luận nghị? Đó là tất cả A-tỳ-đạt-ma của Ma-đát-lý-ca, nghiên cứu về nghĩa thâm diệu nơi kinh, nêu bày một cách thông suốt về tông yếu của hết thảy kệ kinh. Đó gọi là luận nghị.

Như vậy đã nói về mười hai phần giáo, thuộc về ba Tạng. Nghĩa là hoặc có loại thuộc về Tạng Tố-đát-lãm (kinh). Hoặc có loại thuộc về tạng Tỳ-nại-da (luật). Hoặc có loại thuộc về Tạng A-Tỳ-đạt-ma (luận). Nên biết, trong ấy nếu nói kệ kinh, ứng dụng, ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Thí dụ, bản sanh, Bản sự, Phương quảng, Hy pháp, đó gọi là Tạng Tố-đát-lãm (Tạng kinh). Nếu nói về nhân nghị, đó gọi là Tạng Tỳ-nại-da (Tạng luật). Nếu nói về luận nghị, đó gọi là Tạng A-Tỳ-đạt-ma (Tạng luận). Do đó, mười hai phần giáo như thế là thuộc về ba Tạng. Như vậy hết thảy chỗ nêu giảng của các bậc trượng phu chánh sĩ, chánh chí, chánh thiện được gọi là chánh pháp. Lắng nghe, lãnh hội những điều ấy gọi là lắng nghe chánh pháp.

Sự việc này là thế nào? Nghĩa là như có một hữu tình thọ trì Tố-

đất-lấm, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì A-Tỳ-đạt-ma. Hoặc thọ trì Tố-đất-lấm và Tỳ-nại-da. Hoặc thọ trì Tố-đất-lấm và A-Tỳ-đạt-ma. Hoặc thọ trì Tỳ-nại-da và A-Tỳ-đạt-ma. Hoặc thọ trì đủ cả Tố-đất-lấm, Tỳ-nại-da, A-Tỳ-đạt-ma. Tất cả như vậy gọi là Nghe chánh pháp.

Nghe chánh pháp này lại có hai loại:

1. Nghe về văn.
2. Nghe về nghĩa.

Thế nào là tư duy về chánh pháp? Nghĩa là như có một hữu tình, tức như nơi chánh pháp đã được nghe và tin tưởng, ở riêng một nơi chốn tĩnh lặng, xa lìa sáu thứ xử không nên tư duy. Đó là tư duy, luận bàn về Ngã. Tư duy luận bàn về hữu tình. Tư duy luận bàn về thế gian. Tư duy luận bàn về di thực nơi nghiệp quả của hữu tình. Tư duy luận bàn về Tịnh lự và cảnh giới của Tịnh lự. Tư duy luận bàn về chư Phật và cảnh giới của chư Phật. Chỉ chánh tư duy về tự tướng, cộng tướng của các pháp hiện có. Tư duy như thế lại có hai loại:

1. Dùng hành tướng của toán số, với phương tiện thiện xảo để tính toán về các pháp.

2. Dùng hành tướng xứng lượng, dựa vào đạo lý chân chánh để quán xét công đức và lỗi lầm của các pháp.

Nghĩa là, hoặc tư duy về uẩn tương ứng với ngôn giáo hiện có. Hoặc lại tư duy, như trước đã nói, về các thứ khác, tùy theo một ngôn giáo hiện có. Tất cả đều do hai thứ phương tiện tư duy của Hành tướng như thế. sự việc này lại như thế nào? Đó là, như nói sắc: Tức là mười sắc xử cùng với các sắc thuộc về pháp xử, đó gọi là sắc uẩn.

Gọi là thọ: Tức ba thứ thọ. Đó gọi là thọ uẩn.

Gọi là Tưởng: Tức là sáu Tưởng thân. Đó gọi là Tưởng uẩn.

Gọi là hành: Tức là sáu tư duy về Thân. Đó gọi là Hành uẩn.

Gọi là Thức: Tức là sáu Thức thân. Đó gọi là Thức uẩn.

Như vậy gọi là dùng Hành tướng toán số để tư duy về các uẩn tương ứng với ngôn giáo. Hoặc lại do Hành tướng toán số ấy để mỗi mỗi tư duy riêng, lần lượt sai biệt, nên biết tức có vô lượng sai biệt.

Thế nào là dùng Hành tướng xứng lượng, dựa vào đạo lý đúng đắn để tư duy về các uẩn tương ứng với ngôn giáo? Nghĩa là dựa nơi bốn đạo lý để quán xét không điên đảo. Những gì là bốn?

1. Đạo lý quán đãi.
2. Đạo lý tác dụng.
3. Đạo lý chứng thành.
4. Đạo lý pháp nhĩ.

Thế nào gọi là đạo lý pháp đãi? Nghĩa là lược nêu có hai thứ quán đãi: Một là quán đãi sanh khởi. Hai là Quán đãi Thi thiết.

Quán đãi sanh khởi: Nghĩa là do lực dụng của các nhân, các duyên nên sanh khởi các uẩn. Uẩn này được sanh khởi cần phải “Quán đãi” các nhân các duyên.

Quán đãi thi thiết: Là do danh thân, cú thân văn thân nên thi thiết (nên lập) các uẩn. Uẩn này được nêu lập cần phải “Quán đãi” các danh cú văn thân.

Quán đãi sanh khởi và Quán đãi thi thiết này đã sanh khởi các uẩn, thi thiết (nên lập) các uẩn, gọi là Phương tiện Du già của đạo lý, do đó gọi là đạo lý quán đãi.

Thế nào gọi là đạo lý tác dụng? Nghĩa là các uẩn sanh rồi, do tự duyên nên có tự tác dụng, mỗi mỗi đều sai biệt. Tức là Mắt có thể thấy sắc, tai có thể nghe tiếng... Sắc là cảnh của Mắt, là đối tượng hành của Mắt, cho đến pháp là cảnh của ý. Tức các pháp này đều có tác dụng riêng, là phương tiện Du già của đạo lý hiện có, đều được gọi là đạo lý tác dụng.

Thế nào gọi là đạo lý chứng thành? Nghĩa là tất cả uẩn đều vô thường, từ các duyên sinh ra, là khổ, không, vô ngã. Do ba lượng nên quán xét như thật. Tức do chí giáo lượng, do hiện tượng và do Tỷ lượng. Do ba lượng ấy chứng nghiệm đạo lý. Các bậc hữu trí, tâm chánh thức chấp nhận, đất yên để thành lập. Nghĩa là tất cả uẩn đều là Tánh vô thường, tánh các duyên sanh, tánh khổ, tánh không và tánh vô ngã. Các sự việc như vậy gọi là đạo lý chứng thành.

Thế nào gọi là đạo lý pháp nhĩ? Nghĩa là, do nhân duyên nào, tức các uẩn kia, chủng loại như vậy các khí thể gian được đất bày như vậy. Do nhân duyên nào nên đất cứng chắc là tướng, nước ẩm ướt là tướng, lửa nóng ấm là tướng, gió dùng nhẹ động làm tướng. Do nhân duyên nào, nên các uẩn là vô thường, các pháp là vô ngã, Niết bàn là tịch tĩnh? Do nhân duyên nào, tướng của sắc là biến hoại, tướng của Hành là tạo tác, tướng của thọ là lãnh nạp, tướng của Thức là phân biệt. Do bản tánh của các pháp nên như thế. vì sự tánh nên như thế. do pháp tánh nên như thế tức pháp nhĩ (pháp như thế) ấy được gọi là Phương tiện du già của đạo lý. Hoặc tức như thế, hoặc khác như thế, hoặc chẳng phải như thế, tất cả đều do pháp nhĩ làm chỗ dựa, tất cả đều quy về đạo pháp nhĩ. Như thế gọi là dựa vào bốn đạo lý để quán xét về các uẩn tương ứng với ngôn giáo. Như do hai Hành tướng Toán số và xứng lượng để quán xét các uẩn tương ứng với ngôn giáo; Cũng vậy, tức do hai thứ Hành tướng

ấy quán xét về ngôn giáo hiện có khác. Như thế gọi chung là quán xét tư duy đúng đắn, kỹ lưỡng về tất cả chánh pháp đã được nêu giảng, đó gọi là nghe, tư duy về chánh pháp.

Thế nào là không chướng ngại? Nghĩa là không chướng ngại này lược có hai thứ:

1. Dựa vào bên trong.
2. Dựa vào bên ngoài.

Trước sẽ nói về dựa nơi chướng trong, ngoài. Trái ngược hẳn với trường hợp ấy nên biết tức là hai thứ không chướng ngại.

Thế nào gọi là dựa vào chướng ngại bên trong? Nghĩa là như có một hữu tình, nơi đời trước không từng tu phước. Do không tu phước, nên không thể thường xuyên đạt được các vật dụng cần cho sự sống một cách tùy thuận, như y phục, thức ăn uống... Kẻ ấy có tham lam mãnh liệt và lâu dài; có sân hận mãnh liệt và lâu dài; có si mê mãnh liệt và lâu dài. Hoặc vì ở đời trước tạo tác, tích tập nhiều nghiệp tật bệnh, do đấy là nhân nên sinh nhiều bệnh tật. Hoặc do hiện tại hành không bình đẳng. Vì nhân duyên ấy nên thân luôn có nhiều thứ bệnh sinh khởi. Kẻ ấy tham chấp về tạo nghiệp, tham chấp về ngôn ngữ, tham chấp về ngủ nghỉ, tham chấp về nơi chốn đông đúc, huyên náo. Tham chấp về tạp trụ, Hý luận, ưa thích tự đề cao, phóng dật, loạn động, dừng trụ phi xứ. Các loại như thế, nên biết, tất cả gọi là dựa vào chướng ngại bên trong.

Thế nào gọi là dựa vào chướng ngại bên ngoài? Nghĩa là như có một Hữu tình dựa vào không phải là bậc Thiện sĩ. Do nhân duyên ấy nên không thể thường xuyên đạt được sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo thuận hợp. Hoặc ở nơi chốn xấu ác, ngày đêm luôn có những sự việc biến dị, huyên náo, âm thanh đủ loại, bị người hoặc phi nhân khủng bố... Các loại như thế nên biết, tất cả gọi là dựa vào chướng ngại bên ngoài.

Như vậy là đã biện luận rộng về chướng ngại bên trong, bên ngoài rồi lại nữa, thế nào là nhận biết về nghĩa tóm lược trong ấy? Tức ở đây lược nêu có ba thứ chướng ngại:

1. Chướng ngại của gia hạnh.
2. Chướng ngại của xa lìa.
3. Chướng ngại của tịch tĩnh.

Thế nào là chướng ngại của gia hạnh? nghĩa là nếu gặp phải Chướng ngại này hiện tiền thì đối với Gia hạnh hiện có của các phẩm thiện đều không thể thực hiện, cũng không có uy lực. Đó gọi là Chướng

ngại của Gia hạnh.

Thế nào là Chương ngại của xa lìa? Nghĩa là ăn uống các thứ thô trọng, nhiều nghiệp, nhiều việc, có nhiều chỗ tạo tác, hoặc ưa thích tạo nghiệp. Do nhân duyên ấy nên yêu thích vô số hành nghiệp đã tạo. Về sau, trong dự việc ấy, tâm rơi vào tán loạn, hoặc ưa thích nói năng. Do nhân duyên này, nên tuy ở chốn tịch tĩnh, xa lìa, đoạn trừ, tu tập có thể thực hiện, có uy lực lớn, nhưng chỉ đọc tụng liền cho là đủ, hoặc ưa thích ngủ nghỉ, do đấy nên thường bị hôn trầm thù miên trói buộc. Vì tánh biếng trễ nên cho thù miên là an lạc, cho dựa cây là an lạc, cho nằm là an lạc. Hoặc ưa thích nơi đông đảo, huyên náo. Do nhân duyên ấy, nên ưa thích cùng với chúng xuất gia, tại gia, nói bàn vô số các việc về vua quan, giặc cướp, ăn uống, y phục, xướng ca... các loại như thế có thể dẫn đến vô nghĩa, khiến tâm tán động, khiến tâm nhiễu loạn. Rất nhiều loại pháp chương ngại như thế, nên biết tất cả được gọi là chương của Hạnh xa lìa.

Nếu gặp chương ngại này hiện tiền, thì khó có thể lìa bỏ những tham chấp hiện có về xứ A-luyện-nhã, về chốn rừng núi, đồng ruộng trống vắng, với những biên vực của các thứ ngoại cụ... cũng không thể ở xứ A-luyện-nhã, nơi bãi tha ma, bên gốc cây nơi phòng ốc vắng vẻ.

Thế nào là chương ngại của tịch tĩnh? Tịch tĩnh tức chỉ cho hai pháp chỉ (Xa-ma-tha) Quán (Tỳ-bát-xá-ma), tức có chương ngại của Xa-ma-tha, có chương ngại của Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là chương ngại của Xa-ma-tha? Tức là các thứ phóng dật và trụ phi xứ. Do phóng dật nên hoặc bị Hôn trầm thù miên vây buộc nơi Tâm. Hoặc chỉ được Xa-ma-tha liền sanh tham ái nơi vị. Hoặc đối với tánh thấp kém, tâm vui thích hưởng nhập. Hoặc ở nơi tánh tối tăm, tâm ưa thích tham vương. Do trụ nơi phi xứ sở như thế nên bị người hoặc hành phi nhân ồn tạp nhiễu loạn, bị sự bức náo của kẻ khác, tâm dong ruổi theo ngoại cảnh. Như thế gọi là chương ngại của Xa-ma-tha.

Thế nào là chương ngại của Tỳ-bát-xá-na? do ưa thích tự ý thị, đề cao, cùng do loạn động. Ưa thích tự ý thị, đề cao: Nghĩa là như có một Bí-sô suy nghĩ như này: Ta sanh nơi tộc họ cao quý, có tâm tin thanh tịnh xuất gia, không phải là hạng thấp kém. Các Bí-sô kia tức không được như vậy. Do nhân duyên ấy nên tự cao, tự cho là hơn, khinh miệt kẻ khác. Bí-sô đo do tự cao ngạo như vậy, nên đối với các Bí-sô tôn túc, trưởng lão, đa trí, tu tập phạm hạnh đầy đủ không thể thường xuyên cung kính thưa hỏi. Các vị Bí-sô này cũng không thể luôn vì vị kia khai phát những chỗ chưa khai phát, hiển bày những nơi chốn chưa hiển bày.

Cũng không thể vì Bí-sô ấy giúp đạt đủ tinh tấn, thành khẩu, dùng trí tuệ để thông tỏ câu nghĩa sâu xa, tạo phương tiện để mở bày chỉ rõ, cho đến khiến trí kiến được thanh tịnh. Như thế gọi là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na do ưa thích tự ý thị, đề cao. Lại như có một Bí-sô, chỉ đạt được phần ít trí kiến thấp kém, đã an ổn mà trụ. Vị ấy do an trụ nơi trí kiến thấp kém và ít ỏi như thế, nên tự cao ngạo. Do tự cao ngạo nên sanh tâm cho là đủ, không cầu đạt quả vị cao hơn. Đó gọi là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na do trụ nơi sự ưa thích tự thị, cao ngạo.

Nói động loạn: Nghĩa là như có một hữu tình các căn không tịch tĩnh, các căn động loạn, các căn chao đảo, nơi tất cả thời điểm đều có những suy nghĩ xấu ác, nói năng xấu ác, tạo tác xấu ác, nên không thể an trụ để tư duy về các pháp, không thể tạo sự vững chắc để tư duy về các pháp. Do nhân duyên này nên hành quán không thể viên mãn, không được thanh tịnh. Đó gọi là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na (Quán) do động loạn. Như vậy hai pháp gây chướng ngại nơi Xa-ma-tha chỉ là nhiễu phóng dật và trụ nơi phi xứ. Hai pháp có thể gây chướng ngại cho Tỳ-bát-xá-na (Quán) là ưa thích tự thị, cao ngạo cùng do động loạn. Như thế, hoặc chướng ngại của Xa-ma-tha, hoặc chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na, được gọi chung là chướng ngại của tịch tĩnh. Đó gọi là nghĩa tóm lược của chướng ngại. Tức nghĩa tóm lược này cùng với chỗ biện biệt rộng ở trước tóm lược chung làm một gọi là chướng ngại. Trái ngược với chướng ngại ấy, nên biết là không chướng ngại. Tức chướng ngại này là vô tánh, xa lìa, không hợp không hội, gọi là vô chướng.

Thế nào là Tuệ xả? Tức là, hoặc Bồ thí do tánh không tội lỗi, vì tâm trang nghiêm, vì tâm hỗ trợ, vì giúp ích cho Du già, vì nhằm đạt nghĩa tối thượng, nên tu Bồ thí. Đó gọi là Tuệ xả.

Hỏi: Ai là chủ Thế thí? Ai là đối tượng được thí? Dùng gì để thí? Tướng thí như thế nào? Thế nào là thí? Do đâu mà thí? Do nhân duyên này nên tánh của Thí vô tội?

- Đáp: Ai là chủ thể thí: Tức người thí, Thí chủ, đó gọi là chủ thể thí. Thế nào là người thí, là Thí chủ? Nghĩa là nếu tự tay mình Bồ thí, gọi là người thí. Nếu vật của tự mình đem thí, hoặc vui thích hành thí, không phải là không vui thích hành thí, gọi là Thí chủ. Ai là đối tượng được thí? Tức là có bốn loại đối tượng được thí.

1. Người có khổ.
2. Người có ân.
3. Người thân ác.
4. Bậc tôn thắng.

Thế nào là người có khổ? Đó là người bần cùng, hoặc người hành khất, hoặc kẻ đi đường, hoặc kẻ cầu xin, hoặc những kẻ đui điếc, những người không nơi nương tựa... không đủ vật dụng để nuôi sống. Các loại như vậy gọi là người có khổ.

Thế nào là người có ân? Đó là, hoặc cha mẹ, hoặc người nuôi dưỡng dạy dỗ, hoặc người tạo sự trưởng thành, hoặc những người đã từng cứu giúp trong nhiều trường hợp, hoàn cảnh, người chỉ dạy lợi ích, an lạc, người dẫn đến lợi ích, an lạc... Những loại như thế gọi là người có Ân.

Thế nào là bậc tôn thắng? Đó là, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, người được thế gian đồng chấp nhận là Hiền thiện, người lìa tổn hại, người hoàn toàn lìa mọi tổn hại, kẻ lìa tham dục, người vì nhằm điều phục tham dục mà tu hành. Kẻ già sân hận, kẻ vì nhằm đoạn trừ sân hận mà tu hành. Kẻ lìa ngu si, người vì nhằm dứt bỏ ngu si mà tu hành. Các loại như thế gọi là bậc Tôn thắng.

Dùng gì để thí? Nếu nói tóm lược, hoặc dùng những vật thuộc hữu tình để hành tuệ thí. Hoặc dùng các vật thuộc vô tình để hành tuệ thí.

Thế nào là dùng những vật thuộc hữu tình để hành tuệ thí? Nghĩa là hoặc đem vợ con, nô tỳ, tôi tớ, hoặc các loài voi, ngựa, bò, dê, heo, gà, lạc đà, lừa... để hành tuệ thí. Hoặc có những kẻ nam, nữ lớn tuổi, nhỏ tuổi... Các loại như thế được dùng làm vật bố thí. Hoặc lại dùng với các vật nơi nội thân như đầu mắt tay chân... theo nguyện mà thí cho. Đây cũng gọi là dùng số vật thuộc hữu tình để hành tuệ thí, là sự việc hiện hành của các Bồ tát, không phải trong nghĩa ấy, ý chấp thuận hành thí.

Thế nào là dùng những vật thuộc vô tình để hành tuệ thí? Nói tóm lược có ba loại vật dùng để hành thí:

1. Vật thuộc về tài sản.
2. Vật thuộc về lúa gạo.
3. Vật thuộc về nơi chốn.

Vật thuộc về tài sản: Như Mạt ni, châu châu. Lưu ly... Hoặc các loại châu báu, hoặc vàng, bạc, hoặc các loại y phục... đó gọi là vật thuộc về tài sản.

Vật thuộc về lúa gạo: Tức các vật có thể ăn uống hiện có thuộc về lúa gạo, bắp đậu, mía đường...

Vật thuộc về nơi chốn: Đó là ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, nhà phước chùa chiền, đền thờ...

Đó gọi là những vật thuộc vô tình, không tội lỗi dùng để hành Tuệ thí. Nên biết ở đây, những vật thuộc về hữu tình, những vật thuộc về

vô tình, tất cả được gọi chung là “Đối tượng được dùng để hành thí”. Tướng thí như thế nào? Đó là không tham cùng hiện hành với tư duy, tâm tạo tác ý nghiệp, cùng chỗ phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp, xả bỏ các vật được thí. Hoặc tự mình nối tiếp, hoặc người khác nối tiếp. Đó gọi là Tướng thí.

Thế nào là hành thí? Nghĩa là do tâm tin thanh tịnh mà hành Tuệ thí. Do thấy rõ chánh giác mà hành Tuệ thí. Do thấy có quả mà hành Tuệ thí. Do vô cùng ân cần, tôn trọng mà hành Tuệ thí. Do tâm cung kính nên tự tay hành thí, không khinh thường, kiêu mạn, ứng hợp thời mà thí. Cứu giúp kẻ khác, cần dùng sự không tổn não họ mà hành Tuệ thí. Bình đẳng đúng như pháp, không sử dụng bạo ác để tích tập vật dụng mà hành Tuệ thí. Dùng các vật tươi sạch mà hành Tuệ thí. Dùng những vật tinh diệu mà hành Tuệ thí. Đem những vật thanh tịnh mà hành Tuệ thí. Do đấy, tự tha đều không có tội. Thường xuyên hành Tuệ thí để điều phục mọi cấu uế của tâm keo kiệt. Tích tập uy lực mà hành Tuệ thí. Tâm trước hoan hỉ mà hành Tuệ thí. Lúc đang hành thí, tâm luôn thanh tịnh, thuận theo pháp chướng ngại rồi không hối tiếc.

Do đâu mà thí? Hoặc do từ bi nên hành Tuệ thí, đối với trường hợp có Ân, hoặc ái hoặc kính, hoặc tin thuận mà hành Tuệ thí. Nơi trường hợp thân ái, hoặc vì mong cầu các công đức thù thắng thuộc thế gian và xuất thế gian mà hành Tuệ thí. Do hành tướng ấy, nên hoặc tại gia hoặc xuất gia, tu hành Tuệ thí, là để làm trang nghiêm tâm, là để hỗ trợ tâm, là để cung cấp cho hành Du già, vì nhằm đạt được nghĩa tóm lược nghĩa tôn thượng nên hành bố thí, do nhân duyên đó, nên tánh thí là không tội. Đó gọi là Tuệ xả.

Thế nào gọi là Sa-môn trang nghiêm? Tụng nêu:

Chánh tín, không dua nịnh

Ít bệnh, Tuệ tinh tấn

Đủ thiếu dục, tri túc.

Dễ nuôi dưỡng, dễ đủ.

Đức đầu đà trang nghiêm

Tri lượng, pháp Thiện sĩ

Đủ tướng bậc thông tuệ

Nhẫn, nhu hoà, hiền thiện.

Nghĩa là như có một hữu tình đầy đủ sự tin tưởng chánh đáng, không hề dua nịnh, ít các bệnh tật, tánh siêng năng, tinh tấn, thành tựu Tuệ diệu, thiếu dục, tri túc, dễ nuôi dưỡng, dễ đầy đủ, thành tựu trọn vẹn hạnh đầu đà, công đức đoan nghiêm, biết rõ về lượng, thành tựu

đầy đủ về pháp của bậc sĩ hiền thiện, thành tựu đầy đủ về tướng của bậc thông tuệ, nhẫn nhục, hoà nhã vì tánh hiền thiện.

Thế nào gọi là đầy đủ sự tin tưởng chánh đáng? Tức là có nhiều sự tin tưởng thanh tịnh, có nhiều sự kính thuận đúng đắn, sinh khởi nhiều thắng giải, nhiều mong muốn tốt đẹp. Đối với các pháp thiện và nơi trú xứ của bậc đại sư đều sanh sự tin tưởng thanh tịnh sâu xa, không nghi không lầm. Nơi trú xứ của bậc đại sư luôn cung kính, tôn trọng, thừa sự cúng dường, nương dựa mà trụ. Đối với pháp nơi các vị đồng phạm hạnh, đối với các chỗ tu học, thọ nhận sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo, đối với hạnh không phóng dật, đối với pháp Tam-ma-địa, nên biết cũng vậy. Như thế gọi là đầy đủ sự tin tưởng chính đáng.

Thế nào gọi là không có dua nịnh? Đó là như có một hữu tình thuần chất vì tính ngay thẳng, đối với bậc đại sư và nơi các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ luôn tự hiển bày đúng như thật. Như thế gọi là không có dua nịnh.

Thế nào gọi là ít các thứ bệnh tật? Nghĩa là vị ấy tánh không bệnh, thuận thời biến chuyển thành thực, chấp nhận điều hoà không tạo tổn hại, tùy lúc an lạc. Do nhân duyên ấy nên mọi thọ dụng về ăn uống dễ thuận hợp. Như thế gọi là ít các thứ bệnh tật.

Thế nào gọi là tánh siêng năng, tinh tấn? Đó là vị ấy có thể an trụ, có uy lực, có đủ siêng năng, dũng mãnh kiên cố, luôn gắn bó với pháp thiện, khởi phát viên mãn, không hề biếng trễ, có khả năng hành trì, đối với các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ luôn hết lòng thừa sự. Như thế gọi là tánh siêng năng tinh tấn.

Thế nào gọi là thành tựu tuệ diệu? Tức là vị ấy niệm, giác thông tỏ thấy đều viên mãn, căn không ám độn, căn không ngu tối, nói và làm luôn thuận hợp, có năng lực để nhận biết rõ về việc nêu giảng thiện, nêu giảng ác nơi các nghĩa pháp hiện có. Thành tựu đầy đủ giác tuệ câu sinh. Thành tựu đầy đủ giác tuệ gia hạnh. Như thế gọi là thành tựu Tuệ diệu.

Thế nào là thiếu dục ít ham muốn? Nghĩa là, tuy thành tựu các công đức hiện có như khéo thiếu dục... nhưng không đối với điều ấy muốn cho kẻ khác nhận biết. Tức muốn cho kẻ khác nhận biết ta đã thành tựu các công đức, đầy đủ thiếu dục.

Thế nào là biết đủ? (Tri túc) Nghĩa là tùy theo một sự việc như y phục, thức ăn uống, ngọa cụ... có được liền sanh hoan hỷ, sanh khởi sự biết đủ chính đáng. Đối với những thứ y phục vốn có hoặc thô hoặc đẹp, nếu chưa được thì tâm không mong cầu, lường xét. Nếu đã có được thì

tâm không ái, nhiễm, như trước đã nói rộng, theo đấy mà thọ dụng. Đối với các thức ăn uống, ngoạ cụ... nên biết cũng vậy. Đó gọi là biết đủ.

Thế nào là dễ nuôi dưỡng? Đó là có thể riêng mình tự đạt được việc nuôi dưỡng vui vẻ, không chờ đợi người khác. Lại không tìm cầu các thứ tài sản vật báu khác. Đó gọi là dễ nuôi dưỡng.

Thế nào là dễ đầy đủ? Nghĩa là vị ấy, nếu có được chút ít vật dụng liền tự xoay sở, thọ dụng vui vẻ. Nếu có được các thứ thô xấu cũng tự xoay sở như vậy. Đó gọi là dễ đầy đủ.

Thế nào là thành tựu công đức của hạnh đầu đà? Đó là vị ấy luôn khát thực đúng kỳ hạn, khát thực theo thứ lớp, chỉ một toạ thực, trước hành pháp chỉ sau mới ăn, chỉ dùng ba y, chỉ mang y mỏng nhẹ, chỉ dùng y phẩn tảo, trụ nơi chốn thanh vắng, thường an toạ bên cội cây, nơi khoảng đất trống, hoặc nơi bãi tha ma, luôn mong được ngồi thẳng người, hành xử như thường ngồi. Như thế mà nương dựa, hoặc về thức ăn uống, hoặc về y phục, hoặc các phụ cụ, nơi công đức của hạnh đầu đà, hoặc là mười hai thứ, hoặc là mười ba thứ. Ở trong việc khát thực phân làm hai loại:

1. Khất thực tùy được.
2. Khất thực theo thứ lớp.

Khất thực tùy được: Đó là theo việc đi đến, trở lại nhà, theo chỗ đạt được ấy mà thọ thực.

Khất thực theo thứ lớp: Nghĩa là đi vào xóm làng tuần tự từng nhà mà khất thực, theo chỗ hiện có được mà thọ thực. Luôn theo đúng oai nghi để thực hành khất thực thì chỉ có mười hai thứ. Nếu căn cứ vào tánh có sai biệt của việc khất thực, tức có mười ba loại.

Thế nào gọi là chỉ một toạ thực? Nghĩa là ngồi nơi một toà ngồi, cho đến lúc nên thọ thực thấy đều thọ thực. Từ nơi toà ngồi ấy đứng dậy tất không thọ thực trở lại. Như thế gọi là chỉ một toạ thực.

Thế nào gọi là trước hành pháp chỉ, sau mới ăn? Đó là vì thọ thực nên ngồi vào toà ứng hợp, cho đến chưa thọ thực thì trước cần thọ nhận đủ các thứ nên thọ thực. Nên nhận biết rõ đúng đắn: Ta nay chỉ thọ nhận chừng ấy thức ăn uống để tự duy trì sự sống. Lại nhận biết rõ, chính đáng: Ta nếu vượt quá những thứ vậy, nhất định không nên thọ thực. Thọ nhận như vậy rồi, sau đấy mới ăn. Đó gọi là trước hành pháp chỉ sau mới ăn.

Thế nào gọi là chỉ dùng ba y? Nghĩa là chỉ có ba y để tự xoay sở thọ dụng. Những gì là ba y? Một là Tăng-già-chi. Hai là Uất-đát-la-Tăng-già. Ba là An-đát-bà-tham, trừ ba y này thì trọn không có cất chứa

vượt quá trường y ấy, đó gọi là chỉ dùng ba y.

Thế nào gọi là chỉ dùng y mỏng, nhẹ? Đó là việc dùng y, hoặc là ba y, hoặc là trường y, tất cả đều dùng loại bông nhẹ mỏng để may, hoàn toàn không cất chứa các thứ vật dùng may y khác. Như thế gọi là chỉ dùng y mỏng nhẹ.

Thế nào gọi là dùng y phẩn tảo? Nghĩa là các thứ y, vải hiện có do kẻ khác vất bỏ, dùng các thứ y vật bất tịnh ấy, loại trừ những phần thô, uế, giặt giữ nhuộm may để thọ dụng. Như thế gọi là dùng y phẩn tảo.

Thế nào là trụ nơi chốn A-luyện-nhã? Đó trụ ở chốn thanh vắng, nơi rừng núi, đồng hoang, thọ dụng biên vực về ngọa cụ hiện có, xa lìa tất cả thôn ấp xóm làng. Như thế gọi là trụ nơi chốn A-luyện-nhã.

Hỏi: Do đâu gọi là công đức của hạnh đầu đà?

- Đáp: Hành giả như vậy, do tham về ăn uống, nên đối với các thứ ăn uống khiến tâm nhiễm đắm, do tham về y phục, nên đối với các thứ y phục khiến tâm tham đắm. Do tham về phu cụ, nên đối với các thứ phu cụ khiến tâm tham đắm.

Vị ấy, do công đức hạnh đầu đà như vậy, nên có thể tu trị thanh tịnh khiến được thuần thực, hoà nhã, dịu dàng, đối với mọi chỗ nhận lãnh, tùy thuận nương dựa, có thể tu phạm hạnh. Do đó gọi là công đức của phạm hạnh đầu đà.

Trong sự ăn uống có tham về ăn ngon và tham về ăn nhiều, có thể gây chướng ngại cho việc tu thiện. Vì nhằm đoạn trừ tham về ăn ngon, nên thường khát thực đúng hện, khát thực theo thứ lớp. Vì muốn đoạn trừ tham về ăn nhiều, nên chỉ một toạ thực, nên trước hành pháp chỉ, sau mới ăn.

Đối với y phục có ba thứ tham. có thể gây chướng ngại cho việc tu thiện:

1. Tham có nhiều y.
2. Tham tiếp xúc mềm dịu.
3. Tham loại thượng diệu.

Vì nhằm đoạn trừ tâm tham có nhiều y, nên chỉ dùng ba y. Vì muốn đoạn trừ tâm tham đối với các thứ y phục ưa thích có sự tiếp xúc mềm dịu, nên chỉ dùng y mỏng, nhẹ. Vì nhằm đoạn trừ, đối với các thứ y phục tâm tham loại thượng diệu, nên dùng y phẩn tảo. Đối với các thứ phu cụ, có bốn thứ tham, có thể gây chướng ngại cho việc tu thiện, đó là:

1. Tham nơi chốn ồn, tạp.
2. Tham về phòng, nhà.

3. Tham về chỗ dựa, nằm vui thích.

4. Tham về phu cụ.

Nhằm đoạn trừ tham nơi chốn ồn tạp, nên trụ nơi A-luyện-nhã. Vì muốn đoạn trừ tâm tham về phòng nhà, nên thường ở nơi cội cây, nơi khoảng đất trống, nơi bãi tha ma. Lại, nhằm đoạn trừ tâm tham về dâm dật, nên thường ở nơi bãi tha ma. Nhằm dứt bỏ tâm tham về chỗ dựa, nằm vui thích nên thường mong được ngồi thẳng. Vì để dứt trừ tâm tham về phu cụ, nên hành xử như tòa thường. Đó gọi là thành tựu công đức của hạnh đầu đà.

Thế nào là đoạn nghiêm? Đó là có thể thành tựu, hoặc đi đến, hoặc trở lại, hoặc nhìn thấy hoặc xem rõ, hoặc thu hẹp hoặc mở rộng, mặc Tăng-già-chi mang y, bát, hình tướng luôn đoạn nghiêm, đó gọi là đoạn nghiêm.

Thế nào là biết rõ về lượng? Đó là đối với các Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ có tâm tin thanh tịnh, nên luôn cúng dường dồi dào về các thứ y phục, thức ăn uống, ngoạn cụ, thuốc men trị bệnh... trong ấy người thọ nhận nên biết rõ về mức độ để thọ nhận. Đó gọi là biết rõ về lượng.

Thế nào là thành tựu pháp của bậc sĩ hiền thiện? Nghĩa là vị ấy sanh nơi tộc họ tôn quý, xuất gia với tín tâm thanh tịnh. Dung mạo thù diệu, ai trông thấy cũng vui thích vì sự đoạn nghiêm, đầy đủ đa văn, ngôn ngữ viên mãn. Do nhân duyên ấy nên không tự đề cao, không khinh miệt kẻ khác, có thể nhận biết rõ về pháp tùy pháp hành, là chân thật theo đấy mà tinh tấn tu tập. đó gọi là thành tựu pháp của bậc sĩ hiền thiện.

Thế nào là thành tựu về tướng của bậc thông tuệ? Đó là, do tạo tướng nghiệp biểu thị sự nhận biết của hàng ngu phu, do tạo tướng nghiệp biểu thị sự nhận biết của bậc thông tuệ.

Sự việc như thế nào? Nghĩa là, các hàng ngu phu suy nghĩ về điều ác, nói năng về điều ác, tạo tác về việc ác. Còn các bậc Thông tuệ thì tư duy về điều thiện, nêu giảng về điều thiện, tạo tác về điều thiện. Đó gọi là thành tựu về tướng của bậc thông tuệ.

Thế nào là Hiền thiện? Nghĩa là như có một hữu tình xa lìa mọi sự buồn bã, sắc diện luôn thư thái, mỉm cười trước khi mở lời, thường hành ái ngữ, tánh hay thân nhận pháp thiện nơi đồng bạn, thân tâm trong sạch. Đó gọi là Hiền thiện.

Nếu có người thành tựu các pháp như vậy, yêu thích chánh pháp, yêu thích công đức, không ưa thích việc cầu được lợi dưỡng, được cung kính, khen ngợi, cũng không hành xử hai thứ tà kiến tăng ích, tổn giảm,

đối với pháp không có chưa từng tăng ích, đối với pháp thật có chưa từng tổn giảm. Xa lìa đời sống tại gia, vì cùng trụ nơi chốn ồn tạp, chỉ tăng thêm phiền não. Vui thích cùng với Thánh chúng hoà hợp an trụ. Tịnh tu trí tuệ nên không ưa thích thâm nhận bạn bè thân thuộc. Chớ khiến cho ta do nhân duyên thân hữu ấy mà sẽ chìm đắm lấy vô lượng sự việc nhiễm loạn. Chớ khiến ta do nhân duyên của hai thứ. Hoặc ấy sẽ sanh khởi các khổ nơi hiện pháp và hậu pháp. Trọn không tổn hại tín thí hiện có. Trọn không huỷ phạm giới cấm thanh tịnh. Thọ dụng tín thí trọn không chê bai tín thí của kẻ khác. Trọn không từ bỏ Học xứ đã thọ nhận, luôn vui thích tỉnh giác, xem biết về lỗi lầm. Không thích xét tìm chỗ lỗi, phạm của người khác. Ăn, che điều thiện của mình, phát lồ điều xấu ác tự thân đã tạo. Gặp sự việc nguy hại đến tánh mạng ùng không cố ý suy nghĩ về các tội đã huỷ phạm. Giả như do quên niệm mà huỷ phạm chút ít, tức liền mau chóng như pháp sám hối dứt trừ. Đối với sự việc nên làm, thì hết sức siêng năng không chút bê trễ. Dù gồm cả trăm việc, đều tự mình có thể thành tựu đầy đủ, trọn không cầu nhờ kẻ khác trợ giúp.

Đối với Đức Phật Thế Tôn và đệ tử của Phật, với thần lực uy đức không thể nghĩ bàn, với giáo pháp thâm diệu, đều sanh tin hiểu sâu xa, trọn không hủy báng. Có thể nhận biết rõ, đúng, đó chính là tri kiến của Đức Như-lai, chẳng phải là cảnh giới của mình, trọn không vui trụ nơi vọng kiến của bản thân, giữ lấy điều phi lý, chấp chặt vào ác kiến, sanh khởi các thứ ngôn luận, chú thuật. Hoặc cùng với các công đức như thế tương ứng, như vậy an trụ, như vậy tu học. Dùng các vật dụng trang nghiêm của Sa-môn mà tự trang nghiêm, là hết sức vi diệu. Hành giả như thế, dùng các vật dụng trang nghiêm vi diệu của vô số công đức nơi vị Sa-môn chân chánh, để tự trang nghiêm, đức ấy sáng tỏ, uy quang tỏa khắp. Do đấy gọi là Sa-môn trang nghiêm. Đó gọi là nghĩa của vật dụng trang nghiêm nơi Sa-môn.

